

TRUNG GIANG KÝ SỰ – kỳ 5

Hành Vân

Đến trưa ngày ở Phú Mỹ, sư Minh Hằng mời tôi qua cốc sư cúng Ngọ. Phần đi khát thực được hồi sáng sư chia cho tôi một nửa. Ai đem cho người khác một nửa bữa ăn của mình là quý quá rồi, nói gì đến nhiều hay ít thế nào. Sư Hằng kể:

– Hồi sáng đi bát, có bọn nhỏ chẳng biết mình là ai, cứ đi theo phía sau xem. Rồi đưa này đùn đẩy đưa kia, nói: “Mày đưa đi.”, một đứa giành: “Đưa tao.”. Tưởng sao, nó đem giọt vô gần chân mình, nói “Ông lượm đi” rồi bỏ chạy...

– Ha, ha...

– Bọn nó chẳng biết mình là ai, gọi “Ông đầu trọc”!

– Không sai!

– Mình cứ đi, mấy người lớn la bọn nó: “Hỗn, con! Sao lại giọt dưới đất?”. Mấy người lớn lại cúng, bọn nhỏ chẳng dám lại gần. Có một chú thanh niên cúng tiền, mình không nhận, ảnh mới nói: “Sư nhớ đợi con.”, rồi chạy đi mua đồ, thật lâu sau đem lại một hộp cơm cúng dường.

– Sư đi ngõ nào?

– Đi qua cầu lớn có một ngã ba, rẽ trái.

– Nếu đi thẳng là về phía quê mấy sư bà Huỳnh Liên, Bạch Liên...

– Hôm trước đi về hướng bên phải của tịnh xá (*hướng ra Tân Hiệp*). Khi đi qua xóm, có một đứa bé đang la khóc quá. Mẹ nó bảo không được, thấy mình đi qua mới dọa nó: “Không nín, mẹ đem cho ông kia bây giờ!”. Nó liền im ru.

– Ha, ha... Mấy sư cũng giúp đỡ được chúng sanh đó chứ! Mà sư về đây được bao lâu rồi?

– Dạ mới bốn ngày.



Sr Minh Hạng mới đi khất thực về.

Tôi mỉm cười, lấy ly nước uống, sr Hạng mới về đây bốn ngày, còn sr bà trong tịnh xá cũ đã ở đây gần 40 năm... Bây giờ sr Hạng tư vấn cho tôi:

– Đại đức có dịp tìm mấy nhà ngoại cảm nhờ họ giúp nói chuyện với Tổ sr đi.

Tôi nhìn Minh Hạng hỏi:

– Để làm gì?

Sr đáp:

– Thì mình hiểu rõ mọi chuyện hơn.

Tôi ôn tồn giải thích:

– Chư Phật, chư Đại Bồ-tát là những bậc Pháp thân Đại sĩ. Các bậc ấy vô tướng, làm sao mấy nhà ngoại cảm biết được? Tổ sr Minh Đăng Quang chớ có phải hồn ma bóng quế đâu mà đi nói chuyện vu vơ với mấy nhà ngoại cảm! Nếu cần gì thì các ngài trực tiếp thị hiện chớ đâu cần qua trung gian ngoại cảm gì nữa.

Minh Hạng phân trần:

– Con thấy ở hệ phái mình có người làm vậy đó...

Minh Hạng kể một hơi, tôi bảo thôi đi, ai làm gì kệ họ, mình đừng bao giờ làm trò cười cho những người trí!

Trong *Thanh Tịnh Đạo* luận rằng, như ngài A-nan phải là phạm nhân thì mới làm thị giả tốt được. Trong *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa* dạy rằng, các ngài A-nan, Tu-bồ-đề... đều là những bậc ngoài hiện tướng Thanh Văn trong ấn hạnh Bồ-tát. Cũng như khi sáng tôi hỏi chú Huệ Minh là ông Lục-tà Keo tu tà phải không, chú đã đáp “Chẳng biết tà hay chánh”. Trong cuộc sống, có khi không

biết lại cần, biết hết rồi thì lấy có gì để viết thành *Trung Giang Ký Sự* nữa? Tóm lại, đây là chuyện của chúng sanh chớ không phải là chuyện của riêng một người nào.

Tôi hỏi sư Hằng sao xót cơm ra nhiều vậy? Sư đáp là thường ăn ít, rồi kể chuyện có lần nghe hòa thượng Pháp sư nói là lúc trẻ ngài đi bát nhận mười mấy chén cơm mà về ăn vẫn không no. Hồi đó, khi nghe ngài nói, sư băn khoăn là cái bát gì to quá đựng tới mười mấy chén, mà sao khi trẻ Pháp sư ăn mạnh dữ vậy? Đến một lần đi bát ở đây, có một bà cụ mang ra một chén cơm nhỏ xíu cúng dường thì sư mới chột ngộ ra. Bà cụ ấy đã mang một chén cơm nhỏ bằng chén đựng nước chấm, ra tới nơi bỏ đép đứng chân không, hai tay đưa chén cơm ngang trán, cúi đầu nói: “Con xin cúng dường ngài.”. Cúng xong, bà khoe mình là đệ tử Tổ sư. Sư Hằng khen ngợi cung cách cúng dường của bà cụ. Tôi đề nghị sư dẫn tôi đi gặp bà một lần, sư đồng ý.

Hôm đó tôi nghỉ lại Mộc Chơn. Sáng hôm sau sư Hằng mang một bình trà qua cốc tôi ngồi uống nước chơi. Đến khoảng 7 giờ, chú Chín Danh và chú Út Chùa mang đồ điếm tâm sang cúng dường. Hai chú xin lỗi vì lo đi hộ niệm cho một bà cụ vừa mất nên về hơi trễ. Mọi khi hai chú thường qua trước 6 giờ... Khi điếm tâm xong, sư Hằng rủ tôi qua nhà bà cụ đã nói hôm qua, tôi đề nghị nên nhờ chú Chín Danh dẫn đường.

Chú Chín Danh và một người cháu đã chờ chúng tôi đến nhà bà Mười Du. Trong khi chờ người con đi gọi bà về, chú Chín Danh đã kể vài chuyện. Chú kể rằng ba người đệ tử xuất gia đầu tiên của Tổ sư tên là Nhựt Quang, Nguyệt Minh và Huệ Ngạn. Huệ Ngạn khoảng mười tuổi, theo Tổ một thời gian thì nổi ban chết, chôn tại nhà ở gần đây. Tôi bảo là nên hốt cốt mang về tịnh xá thờ cho ấm cúng. Chú lại kể là có lần sư cô Huỳnh dẫn về mấy chục cô, mang theo cả chục máy may, xúm nhau may đồ. Bỗng một đêm mấy cô đi lúc nào chẳng ai biết, mà nhà bà Chơn Ngọc ở ngay sau tịnh xá có mấy mét chớ mấy... Lần này tôi về Phú Mỹ, được nghe các tên Phổ Quang, Phổ Minh... rồi bây giờ là Nhựt Quang, Nguyệt Minh... đều là những tên có đạo lý. Nghĩ đức Minh Đăng Quang ngồi ở giữa, có ánh sáng mặt trời (*Nhựt quang*) và ánh sáng mặt trăng (*Nguyệt minh*) hai bên, cảnh thật đặc biệt, như núi chúa Tu-di tọa lạc giữa trần thế!

Bà Mười Du năm nay đã 84 tuổi, trông tướng người phúc hậu. Khi xưa, chồng bà là một trong những người đã dựng lên Tịnh xá Mộc Chơn. Chúng tôi ghé thăm bà Mười Du một lát rồi liền qua nhà ông Bảy Đức, người đã cùng về Phú Mỹ một lần với Tổ sư, theo lời chú Chín Danh mới vừa giới thiệu khi nãy. Trong khi tôi đang cần thêm thông tin thì lời giới thiệu của chú đúng lúc quá. Chúng tôi rất mong được gặp ông cụ này, chân vội bước dưới nắng gắt mà lòng cảm thấy rất may mắn.

Chúng tôi đi tới gần cầu Phú Mỹ thì rẽ trái vào đường Bờ Đê. Nghe nói con đê này mới được đắp khoảng 10 năm nay, nhờ có nó mà không còn tình trạng nước ngập tịnh xá suốt ba tháng theo như lời Ni trưởng Đồng Liên kể. Sau bốn, năm lần hỏi thăm thì chúng tôi tìm đến được nhà ông Bảy Đức.

Một ông lão nhỏ nhắn, tóc bạc trắng, mang kính, mặc áo len cụt tay ra mời chúng tôi vào nhà trên. Ông mời chúng tôi ngồi và hỏi:

– Quý thầy đến nhà có việc gì?

Tôi đáp:

– Thưa ông, quý sư muốn gặp ông Bảy Đức để hỏi thăm về Tổ sư Minh Đăng Quang ngày xưa.

Ông nhận mình là ông Bảy Đức rồi sôi nổi nói ngay:

– Ông Minh Đăng Quang hả? Nói thiệt là tui không theo nổi đâu, dù sao mình cũng còn gia đình mà.

– Nghe nói ông từ Miên cùng về đây với Tổ sư phải không?

– Đúng rồi, ông Bảy Tam chở tui với ngài về đây. Mấy tháng sau, ông quay lại Sóc Mệt chở con cháu về, giữa đường bị bọn Pháp chặn bắt đứa con trai duy nhất, ông nhảy vô đánh, bọn nó bắn chết cả nhà ông, thật tội!

– Còn ông Phổ Hiền, nhà ở sau tịnh xá, ông biết không?

– Ông Phổ Hiền nào? Ông Bảy Kim hả?

– Ông Tư cha chú Chín Oanh đó, ông.

– Ông Tư Nhu, tui thường gọi Bảy Kim theo tên vợ ông, do vợ ông là chị họ của tui.

Tôi chợt nhớ tục danh ông Phổ Hiền ghi ở mộ mà tôi đã chụp hình ngày hôm qua nên gạt đầu đồng tình. Ông cụ kể:

– Ông Tư Nhu đi buôn, cha ông có nhà riêng ở Sóc Mệt. Hồi đó xứ này có cả ngàn giã dẹt dẹt, làm bao nhiêu đều chở hết qua Miên, qua đó là trúng hàng, bao nhiêu cũng hết.

Tôi lấy máy ảnh, vừa mở hình ông Phổ Hiền vừa nói “Ông này hình đặc biệt lắm” và đưa cho ông cụ xem. Ông xem rồi nói:

– Đúng ông đó. Hồi đó ngài ở nhà ông.

Chúng tôi cứ gợi ý hỏi, ông cụ nhớ đâu thì nói đó. Qua cuộc vấn đáp với ông, chúng tôi biết được rằng ông sinh năm 1924, năm nay đã 88 tuổi (*tuổi Ta*). Đến tuổi thanh niên, ông được gia đình đưa qua làm việc ở lò vôi để trốn lính. Chủ lò vôi lúc bấy giờ là sư ông, một người quen biết rộng với mấy ông lớn ở xứ đó, nên bọn Pháp không đến tra xét bao giờ. Ông Bảy Đức đã ở nơi đó làm việc cả năm trời. Hồi đó, lò vôi có 12 lò nung vôi, người làm cả trăm, đều là người Việt mình. Đá vôi được chẻ ra từng tảng lớn cả ôm rồi bỏ vào lò nung cho đến khi chín. Củi chụm thì đẩy vô lò nguyên bi lớn cả ôm, vậy mà sức nóng của lò làm củi bắt cháy hết. Hàng ngày, khi ăn cơm ông ngồi gần ngài Minh Đăng Quang, mà lúc đó đâu có biết tên ngài nên cứ gọi là “anh Sáu” như mọi người gọi. Hồi đó, bàn ăn cơm là loại bàn dài, sắp ghế ngồi hai bên, trên bàn cứ dọn từng phần bốn người ăn. Khi vô ăn, sư ông và anh Sáu ngồi đầu bàn, mọi người ngồi kế tiếp theo. Anh Sáu mặc đồ “như mây thầy” (*tức là mặc y như tôi*

và sư Hằng), ăn cơm bằng cái bát. Mọi việc ở lò vô đều do một mình anh Sáu quản lý. Anh Sáu nói tiếng Thổ và tiếng Pháp giỏi lắm... Tôi hỏi:

- Tiếng Thổ là tiếng gì, ông?

- Là tiếng Miên. Ngài nói tiếng Miên rốp rêng¹ à.

Ông lại kể rằng giấy tờ, công việc gì đều do anh Sáu quản lý, ông kia chẳng làm gì. Tôi gạn hỏi:

- Sư ông khoảng bao tuổi?

- Chắc cỡ 50.

- Thế sư ông chẳng làm gì hết à?

- Chẳng làm gì, cả ngày đi giao du với mấy ông lớn trong xứ. Mà không hiểu sao ông có nhiều bôn đạo lắm. Ông có tu gì đâu, ngài kia thì tu, mà tui không hiểu sao ngài lại theo ông?

Tôi lại gạn hỏi:

- Sư ông không tu gì hết à?

- Tu gì! Ông có vợ bé mà tu gì! Con nhỏ coi cũng ngon lành lắm.

Ông cụ 88 tuổi phát ngôn thật vô tư, chẳng hề cân nhắc từ ngữ gì hết. Tôi hiểu rằng cung cách vô tư này là cái chất Nam Bộ đang phát tiết ra, nhưng đồng thời cũng là vì ông cụ đang sống lại thời thanh niên của mình. Chuyện của 66 năm trước bây giờ có người gọi hỏi cho ông nhớ lại, lấp đi khoảng lặng của tuổi xế chiều hàng ngày ngồi ở nhà trên chẳng biết nói chuyện với ai, thử hỏi làm sao mà ông lại không trở nên sôi nổi chứ? Ông nói cái thân ông bây giờ rệu rã lắm rồi, khi nào con cháu lấy xe hai bánh chở ông đi đâu về là y như ông đau người cả hai ngày trời. Ông lại nói như ông bây giờ thật cô đơn, tuy có đông con cháu nhưng có đứa nào hiểu được ông. Ông nói đi nói lại là ông đã thấm thía cái khổ của kiếp người lắm rồi, nên ông có ý nguyện vãng sanh Cực Lạc, và hiện tại ông đã học gán thuộc lòng bài *Văn Phát Nguyện Vãng Sanh* do đứa cháu nội chép từ đĩa của bà Diệu Âm ra cho ông. Ông hỏi chúng tôi là làm vậy có đúng không? Dĩ nhiên là tôi hết sức tán thán và giải thêm rằng Phật pháp chỉ cần tinh ròng chứ không cần nhiều, một bài phát nguyện vãng sanh như truyền thống các Phật tử Việt Nam thường đọc tụng là quá đủ cho ông.

Đệ tử chúng con từ vô thủy
Gây bao nghiệp chướng bởi làm mê
Sống trong sanh tử đã bao lần
Nay đến trước đài Vô thượng giác...

(Bài của ông tương tự những ý này, nhưng văn xuôi, hay và chuẩn, xứng đáng làm gia bảo cho con cháu giữ gìn truyền tụng.)

Ông cụ kể là khi ở đây, thỉnh thoảng ngài Minh Đăng Quang dẫn năm, bảy đệ tử ghé qua nhà ông, khi ngài trên đường đi khát thực. Có lần ngài đã dẫn

¹ Từ tượng thanh sống động, đặc sệt chất Nam Bộ.

ông về Vĩnh Long thăm cha ngài, ông cụ có bộ râu dài, tốt tướng lắm. Ông lại khen ngài Minh Đăng Quang thuyết pháp hay nhất xứ, ở xứ Mỹ Tho này có ai thuyết qua ngài! Tôi chợt nhớ ra một điều quan trọng nên hỏi:

– Lò vôi ở Nam Vang hả, ông?

Ông đáp ngay:

– Không phải, ở Sóc Mẹt.

– Sóc Mẹt là ở đâu?

– Tui không rõ, nhưng không phải là Nam Vang.

Với người Nam Bộ chưa từng đi qua xứ Miên, thì gọi xứ Nam Vang là chỉ cho xứ Miên. Còn với người Nam Bộ đã từng sống bên đó, thì Nam Vang chỉ là một tỉnh thành, là thủ đô của xứ Miên mà thôi. Mọi người lúc trước cứ nói “Thành Đạt đi Nam Vang học đạo” là họ đang nói chung, nhưng trên phương diện lịch sử thì chúng tôi cần một câu nói cụ thể hơn. Chúng tôi lại hỏi ông cụ là nếu đi theo đường sông như xưa, thì từ con sông Nguyễn Văn Tiếp mình phải đi ngõ nào để đến chỗ đó? Ông cụ nhớ lại là theo sông này ngược ra Vàm Nao, rồi phải tới kinh Vĩnh Tế, tiếp theo qua sông Cà Thiên thì tới bến Sóc Mẹt. Từ bến đi bộ vô sóc còn xa. Lúc ấy, người con trai đang làm ngoài đồng vừa ngưng tay đi vô nhà thăm cha, sẵn gặp khách đến thăm nên ngồi chơi, đã hỏi: “Sao đi bằng kinh Vĩnh Tế được, cha?”, nhưng ông cụ vẫn khẳng định là phải đi qua kinh Vĩnh Tế. Về chuyện sông nước chằng chịt ở Nam Bộ thì chúng tôi không rõ lắm, nên chỉ lưu tâm ghi nhớ để rồi có dịp sẽ hỏi thăm cho rõ hơn.



Ông Bảy Đức, người đi chung chuyến đò từ Miên về Việt Nam với Tô sư Minh Đăng Quang vào đầu năm 1946.

Ngồi đã lâu, chúng tôi định về, nhưng con trai ông Bảy Đức mời ngồi chơi thêm, để cha có nhớ thêm chuyện gì thì sẽ kể tiếp cho chúng tôi nghe. Chúng tôi ngồi lại, hỏi thăm về việc ruộng vườn, người cha nói là khi xưa làm một công chỉ được bảy gia lúa, người con tiếp lời là bây giờ làm một công được từ 30 tới 40 gia; người cha lại nói hồi đó mỗi năm chỉ làm một vụ, bỏ mặc, hầu như chẳng có phân thuốc gì, người con tiếp lời là bây giờ mỗi năm làm ba vụ,

tính ra số lúa thu được mỗi năm gấp hơn 10 lần thời cha của chú làm; người cha kể hồi trước trồng một công bừa là phải làm mấy năm, vì mua được một nhánh bừa giống thật không dễ, người con tiếp lời là bây giờ khỏe lắm, chỉ chưa đầy một tháng là xong... Sau đó, chúng tôi cảm ơn hai cha con ông Bảy Đức rồi ra về. Tôi nắm hai bàn tay ông, vỗ nhẹ lưng ông, chúc ông khỏe và nói rằng những chuyện chúng tôi vừa được nghe đối với ông chắc không có ý nghĩa lắm, nhưng với chúng tôi thì rất có ý nghĩa.

Rời nhà ông Bảy Đức, chúng tôi tìm cách đi thăm ông Nhựt Quang. Minh Hằng đã từng sống với ông cụ này cả năm ở Nhà tù đường họ Lê gần Mỹ Tho, nên sư tình nguyện dẫn đường cho tôi. Lúc đầu, hai huynh đệ định đi xe ôm, nhưng có mấy cô ở trước Tịnh xá Mộc Chơn khuyên chúng tôi nên đi xe buýt. Theo lời họ, chúng tôi đợi một lát thì có xe buýt chạy ngang. Chúng tôi lên xe, qua khỏi Tân Hiệp một đoạn, vừa qua cầu Bến Chùa thì xuống xe, rẽ phải đi bộ thêm khoảng 300m đã vô tới nơi. Sư Hằng gọi ông cụ ra mở cổng. Gặp chúng tôi, ông mừng quá, lục đục tìm đồ ăn đãi chúng tôi, một lát lại nói: “Hôm nay vui nhất trong mọi ngày!”. Ông định đi nấu cơm, chúng tôi bảo thôi đi, ăn tạm mì cũng được. Ông liền đi lục đục một gói mì và hai gói bột bắp mang ra đãi chúng tôi. Hai huynh đệ ngồi nhai mì khô, uống bột bắp, còn ông cứ lục đục muốn làm thêm mọi thứ. Minh Hằng bảo ông ngưng đi, lại ngồi chơi để xin hỏi thăm vài chuyện. Chúng tôi cứ thay nhau lặp đi lặp lại từng câu hỏi để ông nghe cho rõ, vì ông cụ đã quá nặng tai rồi. Cuối cùng, chúng tôi cũng thu thập được vài thông tin về chuyện ở Phú Mỹ cách đây hơn 60 năm.



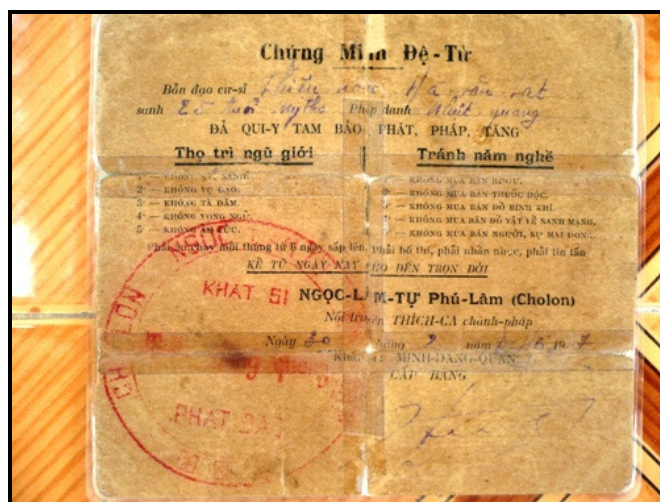
Sư cụ Nhựt Quang

Ông tên Hà Văn Tác, tục gọi ông Bảy Tác, sinh năm 1925, người tại Tân Hòa Thành, xã tiếp giáp xã Phú Mỹ. Khoảng đầu năm 1947 ông đã xuất gia với Tổ sư Minh Đăng Quang tại Linh Bửu Tự, được đặt pháp danh là Nhựt Quang. Cùng lớp với ông còn có Nguyệt Minh, cũng người ở Tân Hòa Thành và Huệ

Ngạn, người tại Phú Mỹ. Cả ba người đều xuất gia và ở tại Linh Bửu Tự với Tổ sư. Nguyệt Minh tuổi cũng cỡ ông, hàng ngày hai huynh đệ thường đi bát chung, Tổ sư thì đi riêng, Huệ Ngạn nhỏ tuổi chưa được đi bát. Hồi ba vị xuất gia tại Linh Bửu Tự thì chưa có thầy Từ Huệ và nhóm cô Huỳnh Liên. Sau đó một thời gian mới có những vị này. Các cô ở tu tạm nơi vườn nhà người dì của cô Huỳnh ở Phú Mỹ, rồi cứ mỗi nửa tháng thì về Linh Bửu Tự họp mặt một lần vào ngày sám hối.

Hồi đó đi khát thực có khi chỉ được một củ khoai, huynh đệ sống khổ lắm. Sau, Nguyệt Minh bị phù người, chịu không nổi nên về nhà, đi làm Cách mạng và mới mất vào năm vừa rồi. Còn ông theo Tổ sư tính ra được mấy năm, sau đó bị lạc thầy, không rõ ngài đi đâu. Do vậy ông đã theo thầy Từ Huệ thêm được một thời gian nữa rồi cũng về nhà. Đến năm 1999, Ni sư Đồng Liên đã giúp ông được đi xuất gia lại trong Giáo pháp Khất sĩ và ông đã được thọ giới Sa-di vào năm 2004.

Minh Hằng bảo ông mang chứng điệp Tổ sư cấp cho ông khi xưa ra cho tôi xem. Ông mang ra một cái bì, lột lớp băng keo nơi miệng, rồi lấy ra mấy giấy tờ kể cả cũ và mới, trong đó có một cái đơn xin cất tháp tại chùa Linh Bửu Tự ngày nay. Đơn này được làm vào cuối năm 2009, có mấy chữ ký bên dưới, tôi nhớ trong đơn có một câu: "...Cách đây 62 năm, tôi đã tầm được Chánh pháp tại chùa Linh Bửu.". Tôi xem và chụp hình cái chứng điệp, hình sư cụ, hình ông Bảy Tam rồi cất cẩn thận như cũ lại cho ông. Chứng điệp Tổ sư cấp cho ông, mặt trước xác nhận ông đã thọ Tam quy Ngũ giới, còn mặt sau dán giấy tôi quên lột lên xem. Chứng điệp này được Tổ sư ký ngày 30 tháng 2 năm Đinh Hợi 1947 tại Ngọc Lâm Tự ở Phú Lâm, Chợ Lớn và có đóng dấu tròn đỏ to bành "Khất sĩ Minh Đăng Quang" hằn hoi. Xem *Lịch Vạn Niên*, thấy năm Đinh Hợi 1947 là năm nhuận, có hai tháng 2, tháng trước thiếu, tháng nhuận đủ, nên ngày 30 tháng 2 tức là vào tháng 2 nhuận. Như vậy, theo chứng điệp này thì từ đầu năm 1947 đức Tổ sư đã dùng pháp danh Minh Đăng Quang. Chúng tôi trả lại giấy tờ cho sư cụ Nhựt Quang, sau đó đi hái bưởi ăn rồi tôi ra về trước.



Chứng điệp do Tổ sư Minh Đăng Quang cấp cho cụ Nhựt Quang vào tháng 2 ăl nhuận năm 1947

(Tháng 2 âm lịch trước là tháng thiếu, còn chứng điệp này ghi 30/2âl nên là tháng sau.)

Phú Mỹ, nơi kiến lập gốc cây Đạo của đức Tổ sư Minh Đăng Quang, nơi vẫn còn được bao bọc bởi những nhánh sông Cửu Long vĩ đại, nơi ấy vẫn còn lưu mãi những dấu ấn không bao giờ phai nhòa về buổi đầu của một dòng Đạo Phật Thích-ca ở nhân gian này. Ứng theo tâm lượng của chúng sanh, gốc cây Đạo của đức Tổ sư Minh Đăng Quang đã được hóa thân thành ngôi đạo tràng Mộc Chơn khiêm tốn, hài hòa dưới bóng dùm xanh mát ngay trong xóm làng thân thương của mọi người. Bên trong vẻ bình dị đó của Mộc Chơn bao giờ cũng chứa đựng vô lượng thiện hạnh, vô lượng chánh pháp, biến mãn khắp không gian và thời gian, đem pháp lành che chở muôn loài, đưa muôn loài đi lên mãi cho đến siêu việt cả pháp giới cuối cùng.

Sống trong đời sống, người trí có khi tự hỏi lòng:

Ai tìm vết dấu từ đâu lại?

Ai nghe tiếng sáo vọng về đâu?

Hành vân nghĩa là một áng mây trôi qua cuộc đời, thì những việc linh tinh này có đáng làm không? Ô hay, đã bận lòng thì làm, đã làm thì không bận lòng! Còn đã không bận lòng thì không làm, đã không làm thì có gì là Hành vân?

Tp. Hồ Chí Minh, 9/2011.
